

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LÂM HÀ  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 83/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 10/9/2021

V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thái Duy

2. Bà Pang Ting Suyl

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Khắc Duy – là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 113/2021/TLST-HNGĐ ngày 06/4/2021 về việc: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

*Bị đơn:* Anh Vương Văn H sinh năm: 1984

Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên lạc: Thôn L, xã L, huyện T, thành phố Hà Nội.

*(Các đương sự đều vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:* Chị xây dựng gia đình với anh H vào năm 2009, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lại Thượng, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được 10 năm, đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng tính cách lối sống và quan điểm

sống, anh H đi làm công trình thường xuyên uống rượu nên vợ chồng hay cãi nhau, không có hạnh phúc. Hai vợ chồng đã hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không thành. Do không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng chị không liên lạc để hàn gắn tình cảm. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh H nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Vương Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 11/02/2010 và Vương Nguyễn Bảo H2, sinh ngày 25/9/2012. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi cháu H1, giao cháu H2 cho anh H nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: chị xác định vợ chồng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị H không trình bày gì thêm.

*Bị đơn anh Vương Văn H trình bày:* Anh và chị H xây dựng gia đình và kết hôn như chị H trình bày là đúng. Vợ chồng anh chung sống đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc phát triển kinh tế dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau không có hạnh phúc. Do không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Anh H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài nhưng qua yêu cầu ly hôn của chị H thì anh không đồng ý vì còn một số việc chưa giải quyết. Về con chung: anh H xác định vợ chồng có 02 con chung là Vương Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 11/02/2010 và Vương Nguyễn Bảo H2, sinh ngày 25/9/2012. Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung anh H xác định vợ chồng anh không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H vắng mặt nên không hòa giải được, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho anh H nhưng anh H không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh H. Về con chung: đề nghị giao con là Vương Nguyễn Thanh H1 cho chị H có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; giao con là Vương Nguyễn Bảo H2 cho anh H có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: đề nghị buộc chị H phải chịu án phí theo quy định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Vương Văn H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt chị H và anh H theo thủ tục chung là phù hợp.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lại Thượng, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội vào ngày 12/01/2009. Quá trình chung sống không hòa thuận hạnh phúc nên chị H làm đơn ly hôn. Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt nhưng trong đơn ly hôn và bản tự khai chị H xác định không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu ly hôn. Còn tại bản tự khai anh H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh và chị H là do vợ chồng không thống nhất trong phát triển kinh tế gia đình, anh không đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập các đương sự để hòa giải, tại buổi hòa giải anh H không đồng ý ly hôn, anh đề nghị Tòa án cho anh thời hạn 01 tháng để giải quyết một số công việc giữa hai vợ chồng, sau đó anh sẽ có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án về việc có đồng ý ly hôn hay không. Tuy nhiên hết thời hạn trên Tòa án triệu tập thì anh H không đến cũng không có văn bản trình bày ý kiến. Điều này thể hiện anh H không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị H, việc anh H không đồng ý ly hôn với chị H là vì lý do khác chứ không phải anh H còn tình cảm với chị H. Ngoài ra, theo kết quả xác minh tại địa phương thì được biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh H là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thống nhất trong việc phát triển kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau không có hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2020, trong thời gian ly thân vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự nên căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị H xử cho chị H và anh H được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị H và anh H có hai con chung là Vương Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 11/02/2010 và Vương Nguyễn Bảo H2, sinh ngày 25/9/2012. Khi ly hôn chị H yêu cầu nuôi cháu H1, giao cháu H2 giao con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Tại bản tự khai anh H yêu cầu nuôi cả hai con. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 14/6/2021 anh H đồng ý giao cháu H1 cho chị H nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân thì cháu H1 ở với chị H do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; còn cháu H2 ở ngoài Bắc với ông bà nội. Hiện nay các cháu đều đã trên 07 tuổi, cháu H1 có nguyện vọng được ở với

chị H, còn cháu H2 có nguyện vọng được ở với anh H khi cha mẹ ly hôn. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình cần giao cháu H1 cho chị H có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu H2 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của các con. Về việc cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203; khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Xử:**

1/ Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H, xử cho chị Nguyễn Thị Thu H và anh Vương Văn H được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao con là Vương Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 11/02/2010 cho chị Nguyễn Thị Thu H có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao con là Vương Nguyễn Bảo H2, sinh ngày 25/9/2012 cho anh Vương Văn H có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của các con, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0015228 ngày 06/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị H đã nộp đủ án phí.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Ban tư pháp nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Như Quỳnh**

